

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 129/2025/HC-PT
Ngày 28 tháng 02 năm 2025

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh
Ông Ngô Quang Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Đức Thắng, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 365/2024/TLPT-HC ngày 09 tháng 8 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2024/HC-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1288/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Chị Lê Thị T; địa chỉ: Thôn A, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn D; địa chỉ: Số E T, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương (Văn bản ủy quyền ngày 03/11/2023; có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Sỹ A, Luật sư của Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư thành phố H (có mặt).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn V, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (Quyết định ủy quyền số 351/QĐ- UBND ngày 16/01/2024 và số 2279/QĐ-UBND ngày 02/4/2024; có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Q; địa chỉ: Thôn A, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Chị Lê Thị T (là người khởi kiện).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Ngày 22/5/2023, gia đình chị nhận được Công văn số 1579/UBND-TNMT ngày 22/5/2023 của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T về việc trả lời kiến nghị của hộ bà Lê Thị Q (mẹ đẻ chị Lê Thị T) khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu liên hiệp xử lý chất thải rắn G. Trong Công văn, UBND huyện đã thông báo chị (Lê Thị T) không đủ điều kiện để được cấp lô tái định cư hộ phụ. Chị T không đồng ý việc này nên đã có đơn khiếu nại và đề nghị UBND giải quyết khiếu nại vào ngày 17/8/2023 (lần 1) và ngày 12/9/2023 (lần 2) nhưng đều không nhận được bất cứ phản hồi nào của UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của chị.

Chị T cho rằng UBND huyện T không cấp cho chị 01 lô tái định cư hộ phụ là không đúng bởi lẽ:

Chị là con gái của ông Lê Văn H (chết năm 2018) và bà Lê Thị Q; chị sinh sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn A, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng kể từ khi sinh ra đến nay. Năm 2014 chị kết hôn với anh Hà Văn T1 (sinh năm 1991; địa chỉ: H, H, Hà Nội) nhưng thực tế chị vẫn giữ nguyên hộ khẩu và sinh sống thường xuyên, liên tục ổn định tại Thôn A, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng, ngoài ra chị không sinh sống tại chỗ nào khác. Năm 2017 chị ly hôn với anh Hà Văn T1 theo Quyết định số 275/2017/QĐST-V.HNGĐ của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Chị và anh T1 có 01 con chung là cháu Hà Lê Như Ý sinh năm 2015. Cháu Như Ý được sinh tại Bệnh viện P, được đăng ký khai sinh tại UBND xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng và được nhập sinh cùng hộ khẩu với chị. Cháu Như Ý từ khi sinh ra đến nay đều sinh sống và có hộ khẩu thường trú tại Thôn A, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng. Hiện nay mẹ con chị sau khi bị thu hồi đất đã không còn đất ở nào khác trong địa bàn xã nơi có đất thu hồi. Cuộc sống sinh hoạt của mẹ con chị hết sức khó khăn, thiếu thốn về chỗ ở.

Việc UBND huyện T cho rằng chị không sinh sống tại nơi có đất bị thu hồi là không đúng, chị có lấy chồng ở Hà Nội nhưng chị không sống tại Hà Nội. Những lần chị lên Hà Nội chỉ để khám bệnh cho con hoặc cho con lên chơi với ông bà. Tại Công văn số 1579/UBND-TNMT ngày 22/5/2023, UBND huyện T trả lời chị không đủ điều kiện được cấp 01 lô tái định cư hộ phụ là không đúng nên chị đề nghị Tòa án: (1) Tuyên hủy Công văn số 1579/UBND-TNMT ngày 22/5/2023 của UBND huyện T, thành phố Hải Phòng về việc trả lời kiến nghị của hộ bà Lê Thị Q khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng Khu Liên hiệp xử lý chất thải rắn G; (2) buộc UBND huyện T phải cấp cho chị 01 lô tái

định cư; (3) hành vi không trả lời khiếu nại của UBND huyện T, thành phố Hải Phòng liên quan đến các đơn kiến nghị của bà Lê Thị T ngày 17/8/2023 và ngày 12/9/2023 là không đúng quy định.

2. Về phía người bị kiện, người đại diện hợp pháp của UBND huyện T và Chủ tịch UBND huyện T, thành phố Hải Phòng trình bày:

Chị Lê Thị T là con gái ông Lê Văn H và bà Lê Thị Q. Hộ ông Lê Văn H có diện tích đất ở thu hồi 848m² tại thửa đất số 214 tờ bản đồ số 11 xã G được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất năm 2000.

Ngày 09/11/2009, UBND thành phố H ban hành Thông báo thu hồi đất tại xã G, huyện T để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Gia Minh thuộc Dự án thoát nước mưa, nước thải và quản lý chất thải rắn Hải Phòng, giai đoạn 1 số 486/TB-UBND. UBND huyện tổ chức họp dân triển khai công tác kiểm kê, công khai phương án bồi thường và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 đối với hộ ông Lê Văn H và các con Lê Văn H1, Lê Thị T2, Lê Thị T.

Trước khi phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, ngày 14/4/2016 Tổ công tác giải phóng mặt bằng huyện đã tiến hành xác minh hồ sơ và điều kiện ăn ở, sinh hoạt của các thành viên trong hộ ông Lê Văn H. Tại thời điểm xác minh, hộ gia đình kê khai có 09 khẩu đang ăn ở, sinh hoạt trên đất thu hồi gồm:

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Mối quan hệ với chủ hộ
1	Ông Lê Văn Hiên	1959	Chủ hộ
2	Bà Lê Thị Quát	1959	Vợ
3	Anh Lê Văn Hoà	1985	Con trai
4	Chị Lê Thị Thanh Hoà	1990	Con dâu (vợ Hoà)
5	Cháu Lê Đức Thanh Bình	2012	Cháu nội (con Hoà)
6	Cháu Lê Ngọc Diệp	2015	Cháu nội (con Hoà)
7	Chị Lê Thị Thảo	1988	Con gái
8	Anh Vũ Xuân Chính	1986	Con rể (chồng Thảo)
9	Cháu Vũ Xuân Nghĩa	2015	Cháu ngoại (con Thảo)

Chị Lê Thị T là con gái ông Lê Văn H, đã đi lấy chồng có con, đang sinh sống tại Hà Nội (theo biên bản xác minh ngày 14/4/2016 đã được ông Lê Văn H và anh Lê Văn H1 ký xác nhận thông tin).

Ngày 29/9/2017, chị Lê Thị T ly hôn với chồng là anh Hà Văn T1 theo Quyết định số 277/2017/QĐST-V.HNGĐ của Toà án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ: Trường hợp trong hộ gia đình quy định tại khoản 1 điều này mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng đất một (01) thửa đất ở thu hồi thì UBND cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư và tình hình thực tế tại địa phương quyết định mức đất ở, nhà ở tái định cư cho từng hộ gia đình.

Ngày 23/8/2017 và ngày 20/3/2021, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện, UBND huyện đã xét giao 03 lô tái định cư, trong đó: 01 lô tái định cư cho hộ ông Lê Văn H (hộ chính), 02 lô tái định cư dành cho hộ phụ là hộ ông Lê Văn H1 và hộ bà Lê Thị T2. Bà Lê Thị T không ăn ở trên đất thu hồi, chỉ đăng ký hộ khẩu tại xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng, do đó không đủ điều kiện xét giao đất tái định cư (hộ phụ). Việc bà Lê Thị T đề nghị được cấp đất tái định cư (hộ phụ) là không có cơ sở giải quyết.

3. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2024/HC-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T về việc: Huỷ Công văn số 1579/UBND-TNMT ngày 22/5/2023 của UBND huyện T, thành phố Hải Phòng về việc trả lời kiến nghị của hộ bà Lê Thị Q khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng Khu Liên hợp xử lý chất thải rắn G và buộc UBND huyện T, thành phố Hải Phòng phải cấp cho chị Lê Thị T 01 lô tái định cư.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí hành chính sơ thẩm và phổ biến quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

4. Kháng cáo: Ngày 03/5/2024, người khởi kiện là chị Lê Thị T có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

5. Tại phiên tòa phúc thẩm:

5.1. Người kháng cáo là chị Lê Thị T giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo.

5.2. Người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T trình bày ý kiến cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đủ chứng cứ; đánh giá chứng cứ thiếu khách quan, toàn diện (trong đó có Biên bản ngày 14/4/2016 có nhiều vi phạm về nội dung, hình thức); chưa ghi nhận đầy đủ, khách quan các ý kiến, quan điểm của phía người khởi kiện; áp dụng không đúng quy định của pháp luật, thiên vị đối với người bị kiện và có nhiều vi phạm nghiêm trọng về tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

5.3. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập đầy đủ, hợp lệ những người tham gia tố tụng đến phiên tòa nhưng phía người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt và bà Lê Thị Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; do đó, việc Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt một số người tham gia tố tụng là đúng quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính. Những người tham gia tố tụng có mặt chấp hành nội quy phiên tòa và đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án; đánh giá các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và việc áp dụng pháp luật, Kiểm sát viên kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện chị Lê Thị T là đúng pháp luật; chị Lê Thị T kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, chị T, người đại diện hợp pháp của chị T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chị T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào mới và cũng không chứng minh được nội dung kháng cáo là có căn cứ pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, bác đơn kháng cáo của chị Lê Thị T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm định tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên và nghị án,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Gia Minh thuộc Dự án thoát nước mưa, nước thải và quản lý chất thải rắn Hải Phòng (giai đoạn 1) tại xã G, huyện T, ngày 09/11/2009 UBND thành phố H ban hành Thông báo số 486/TB-UBND về việc thu hồi đất tại xã G, huyện T để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án.

Sau khi hoàn thành các thủ tục kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản trên đất, người quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc phạm vi bị thu hồi để thực hiện Dự án. Ngày 19/4/2019, UBND huyện T ban hành Quyết định số 1868/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng với nội dung thu hồi diện tích 848m² đất ở tại thửa số 214, tờ bản đồ số 11, xã G của hộ ông Lê Văn H; đồng thời ban hành Quyết định số 1925/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án (Đợt 4 – 277 hộ). Tại phương án số 108a/PA-TCT ban hành kèm theo Quyết định số 1925/QĐ-UBND nêu trên thể hiện hộ ông Lê Văn H được bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất số tiền là 1.062.916.103 đồng; tại phương

án số 108b/PA-TCT hộ anh Lê Văn H1 được bồi thường tài sản trên đất của ông Lê Văn H với số tiền 292.457.950 đồng; tại phương án số 108c/PA-TCT hộ chị Lê Thị T2 được bồi thường tài sản trên đất của ông Lê Văn H với số tiền 18.153.549 đồng; tại phương án số 108d/PA-TCT hộ chị Lê Thị T được bồi thường tài sản trên đất của ông Lê Văn H với số tiền 14.586.448 đồng. Về tái định cư, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và UBND huyện T đã xét giao 01 lô tái định cư cho hộ ông Lê Văn H (hộ chính), 02 lô tái định cư dành cho hộ phụ là anh Lê Văn H1 và hộ chị Lê Thị T2.

Bà Lê Thị Q (mẹ chị T) cho rằng UBND huyện T không giao đất tái định cư cho chị Lê Thị T là không đúng nên đã làm đơn kiến nghị. Ngày 22/5/2023, UBND huyện T ban hành Văn bản số 1579/UBND-TNMT về việc trả lời kiến nghị của hộ bà Lê Thị Q khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án với nội dung căn cứ vào khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ, việc bà Lê Thị Q đề nghị được giao đất tái định cư (hộ phụ) cho con gái Lê Thị T là không có cơ sở giải quyết.

Sau khi nhận được Văn bản số 1579/UBND-TNMT nêu trên, ngày 17/8/2023 và ngày 12/9/2023 chị Lê Thị T đã gửi đơn kiến nghị và khiếu nại qua đường bưu điện đến UBND huyện T nhưng không được trả lời. Do đó, chị Lê Thị T đã khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án: (1) Tuyên hủy Công văn số 1579/UBND-TNMT ngày 22/5/2023 của UBND huyện T; (2) buộc UBND huyện T phải cấp cho chị 01 lô tái định cư; (3) hành vi không trả lời khiếu nại của UBND huyện T, thành phố Hải Phòng liên quan đến các đơn kiến nghị của chị ngày 17/8/2023 và ngày 12/9/2023 là không đúng quy định.

Xét các yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T thì thấy:

[1] Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Chị Lê Thị T có bố mẹ đẻ là ông Lê Văn H, bà Lê Thị Q; cùng cư trú tại xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng. Ngày 01/12/2014, chị T đăng ký kết hôn với anh Hà Văn T1 (sinh năm 1991; địa chỉ: H, H, Hà Nội); Ngày 11/12/2014, chị T tách hộ riêng nhưng vẫn cư trú tại Thôn A, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chị T, anh T1 có một con chung là cháu Hà Lê Như Ý, sinh ngày 28/5/2015 tại Hải Phòng, cháu Ý được nhập hộ khẩu cùng chị T ngày 01/3/2017. Chị T và anh T1 đã được Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội giải quyết cho ly hôn theo Quyết định số 275/2017/QĐST-V.HNGĐ ngày 29/9/2017, sau ly hôn chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Lê Như Ý.

[2] Tại Biên bản kiểm kê do Tổ công tác giải phóng mặt bằng huyện T lập ngày 16/4/2015 thể hiện số nhân khẩu của hôn gia đình gồm có 08 người: Ông Lê Văn H, bà Lê Thị Q, anh Lê Văn H1, chị Nguyễn Thị Thanh H2, anh Lê Đức Thanh B, anh Vũ Xuân C, chị Lê Thị T2 và chị Lê Thị T

[3] Tại Biên bản thẩm tra, xác minh hồ sơ và điều kiện ăn ở sinh hoạt hộ ông Lê Văn H do Tổ công tác giải phóng mặt bằng huyện T lập ngày 14/4/2016 thể hiện “Tại thời điểm kiểm kê, lập phương án bồi thường hỗ trợ gia đình đang ăn ở sinh hoạt trên khu đất thu hồi gồm có 10 khẩu 03 cặp vợ chồng” gồm: Ông Lê

Văn H (chủ hộ), vợ là bà Lê Thị Q; hộ anh Lê Văn H1 (con trai ông H, bà Q) gồm anh H1, vợ là Nguyễn Thị Thanh H2 và 02 con là Lê Đức Thanh B, Lê Ngọc D1; hộ chị Lê Thị T2 (con gái ông H, bà Q) gồm chị T2, chồng là Vũ Xuân C và con là Vũ Xuân N; chị Lê Thị T (con gái ông H, bà Q) có ghi chú là “đã lấy chồng có con, đang sinh sống tại Hà Nội”. Tại mục “3. Các thông tin khác”, gia đình có đề nghị “được giao 05 lô đất tái định cư: 01 cho hộ ông H, 01 lô cho hộ anh H2, 01 lô cho hộ anh C, 01 lô cho hộ chị T, 01 lô cho chị Lê Thị H3 – con gái đã lấy chồng có con, đang sống ở xã G”. Biên bản này đã được đại diện chủ hộ là ông Lê Văn H và anh Lê Văn H1 (con trai ông H) ký xác nhận thông tin.

[4] Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ đã nêu ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định: *“Trường hợp trong hộ gia đình quy định tại khoản 1 Điều này mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng đất một thửa đất ở thu hồi thì UBND cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư và tình hình thực tế tại địa phương quyết định mức đất ở, nhà ở tái định cư cho từng hộ gia đình”*.

Căn cứ vào quy định trên, UBND huyện T đã xét giao 01 lô tái định cư cho hộ ông Lê Văn H (hộ chính), 02 lô tái định cư dành cho hộ phụ anh Lê Văn H1 và hộ chị Lê Thị T2 là do có đủ các điều kiện.

Chị Lê Thị T là con ông Lê Văn H, bà Lê Thị Q và là em của anh H1, chị T2 cùng sinh sống trên thửa đất của ông H, bà Q tại xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng. Ngày 01/12/2014, chị T đăng ký kết hôn với anh Hà Văn T1; ngày 11/12/2014, chị T tách hộ riêng tại Thôn A, xã G; ngày 28/5/2015 chị T sinh cháu Hà Lê Như Ý, sau đó nhập khẩu cho cháu Ý vào cùng hộ khẩu chị T ngày 01/3/2017 và đến ngày 29/9/2017 chị T và anh T1 ly hôn. Tại phiên tòa, chị T xác định trong các lần Tổ công tác giải phóng mặt bằng xác minh điều kiện ăn ở sinh hoạt hộ ông Lê Văn H thì chị cho cháu Ý đi Hà Nội thăm ông bà, chữa bệnh nên chị vắng mặt nhưng kể từ khi chị lấy chồng, chị vẫn thường xuyên sinh sống tại thửa đất của ông H, bà Q mà không có nơi ở nào khác. Do đó, tạo các Biên bản xác minh nêu trên, Tổ công tác giải phóng mặt bằng huyện T vẫn xác định chị T ăn ở sinh hoạt trên đất là đúng thực trạng. Tuy nhiên, theo những tình tiết, sự kiện nêu tại các mục [1], [2] và [3] ở trên thì chỉ có cơ sở xác định tại thời điểm lập Biên bản ngày 16/4/2015, ngày 14/4/2016 chị T có ở trên thửa đất, mặc dù chị T đã có hộ khẩu riêng nhưng không có cơ sở nào để xác định tại thời điểm này có cả chồng chị T cùng ăn ở sinh hoạt trên đất; cho đến thời điểm UBND huyện T chính thức ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất (ngày 19/4/2019), cũng như quá trình bà Q, chị T kiến nghị sau này thì vợ chồng chị T đã ly hôn nên cũng không bảo đảm điều kiện “cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi” quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Như vậy, tại Văn

bản số 1579/UBND-TNMT ngày 22/5/2023, UBND huyện T đã căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ để trả lời không có cơ sở giải quyết kiến nghị của hộ bà Lê Thị Q đề nghị được giao đất tái định cư (hộ phụ) cho con gái Lê Thị T là đúng pháp luật.

Khi xét xử vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm mặc dù chỉ căn cứ vào việc chị Lê Thị T không ăn ở trên đất bị thu hồi, chỉ đăng ký hộ khẩu tại xã G, từ đó xác định chị T không đủ điều kiện giao đất tái định cư là chưa đánh giá đầy đủ, chính xác, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, các tình tiết của vụ án trên cơ sở quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T là đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính.

Chị Lê Thị T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, chị T và người đại diện hợp pháp, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ hoặc căn cứ nào mới, phù hợp với quy định của pháp luật; Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến kết luận kháng cáo của chị T là không có căn cứ pháp luật, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị T. Đối với việc đánh giá chứng cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Chị Lê Thị T có kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính: Bác kháng cáo của người khởi kiện chị Lê Thị T; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2024/HC-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm do chị Lê Thị T đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000367 ngày 21 tháng 5 năm 2024.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 28 tháng 02 năm 2025).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Điền